

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn Luật; Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:
“Điều 6. Mức phí, xác định số phí phải nộp đối với nước thải sinh hoạt
1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:
Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m3 nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp

dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.”

- Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“Điều 9. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch phù hợp với điều kiện, chi phí thực tế tại địa phương nhưng tối đa không quá 10%.”

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện các quy định của Luật phí và lệ phí và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Hội đồng nhân dân các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn (trước nhập tỉnh) đã ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định về phí tại mỗi địa phương theo quy định. Cụ thể:

- Đối với tỉnh Thái Nguyên (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11/01/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với tỉnh Bắc Kạn (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thay thế Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ và ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật Quý I năm 2026, đối với nội dung về xử lý văn bản của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn trước thời điểm sáp nhập (01/7/2025) trong đó có yêu cầu: *Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành đẩy nhanh tiến độ xử lý, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp cho chính quyền địa phương hai cấp hoạt động ổn định.*

Từ những căn cứ và thực tiễn nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau nhập tỉnh) là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ trích để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo về tính hợp pháp và thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đúng thẩm quyền ban hành. Đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật Quý I năm 2026, Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập); ngày 23/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 4312/UBND-KT về việc tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trong việc xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 12/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 5137/UBND-KT gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn. Thực hiện chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 259/HĐND-VP ngày 14/5/2026 về việc chấp thuận đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn,

ngày 23/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 5780/UBND-KT giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng Nghị quyết.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình 7191/TTr-STC ngày 28/5/2026 về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 257/BC-STP ngày 27/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết ban hành quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức cá nhân khác, có liên quan.

3. Nội dung cơ bản

Ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Điều 3. Tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Điều 4. Trường hợp miễn phí, xác định số phí phải nộp và việc khai, thu, nộp và quản lý, sử dụng phí

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí và các nguồn hợp pháp khác.

2. Thời gian trình ban hành: Tại kỳ họp tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XV, nhiệm kỳ 2026-2031.

(Có hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi kèm)

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - Sở Tư pháp;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KT.
- Tâmd.TTr.05.2026*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Linh

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức cá nhân khác, có liên quan.

Điều 2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Tổ chức cung cấp nước sạch tại khu vực phía Bắc (khu vực tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp) được để lại 8% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

2. Tổ chức cung cấp nước sạch tại khu vực phía Nam (khu vực tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp) được để lại 5% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

Điều 4. Trường hợp miễn phí, xác định số phí phải nộp và việc khai, thu, nộp và quản lý, sử dụng phí

1. Trường hợp miễn phí thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Số phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với nước thải sinh hoạt được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.

3. Việc khai, thu, nộp và quản lý, sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 6 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thu phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

d) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Theo dõi thi hành pháp luật- Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương
đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các đơn vị cung cấp nước sạch;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

Số: /TTr-STC

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn Luật; Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:
“Điều 6. Mức phí, xác định số phí phải nộp đối với nước thải sinh hoạt

1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp

dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.”

- Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“Điều 9. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch phù hợp với điều kiện, chi phí thực tế tại địa phương nhưng tối đa không quá 10%.”

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện các quy định của Luật phí và lệ phí và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Hội đồng nhân dân các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn (trước nhập tỉnh) đã ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định về phí tại mỗi địa phương theo quy định. Cụ thể:

- Đối với tỉnh Thái Nguyên (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11/01/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với tỉnh Bắc Kạn (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thay thế Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ và ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật Quý I năm 2026, đối với nội dung về xử lý văn bản của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn trước thời điểm sáp nhập (01/7/2025) trong đó có yêu cầu: *Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành đẩy nhanh tiến độ xử lý, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp cho chính quyền địa phương hai cấp hoạt động ổn định.*

Từ những căn cứ nêu trên, để thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau nhập tỉnh) và thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng

nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ trích để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo về tính hợp pháp và thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đúng thẩm quyền ban hành. Đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật Quý I năm 2026, Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập); Văn bản số 4312/UBND-KT ngày 23/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường nhiệm vụ xây dựng đề án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo chức năng, nhiệm vụ.

Ngày 24/4/2026, Sở Tài chính có Tờ trình số 4477/TTr-STC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn. Ngày 12/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 5137/UBND-KT gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 259/HĐND-VP ngày 14/5/2026 về việc chấp thuận đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn, trên cơ sở

Đề án thu phí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng gửi kèm Văn bản số 4780/SNNMT-KHTC ngày 09/5/2026, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến tại Văn bản số 6158/STC-QLGDN ngày 18/5/2026 và đăng tải Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 257/BC-STP ngày 27/5/2026, Sở Tài chính đã có Văn bản số 7153/STC-QLGDN ngày 28/5/2026 tiếp thu ý kiến, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết ban hành quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức cá nhân khác, có liên quan.

3. Nội dung cơ bản

Ngoài phần căn cứ pháp lý, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Điều 3. Tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Điều 4. Trường hợp miễn phí, xác định số phí phải nộp và việc khai, thu, nộp và quản lý, sử dụng phí

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí và các nguồn hợp pháp khác.

2. Thời gian trình ban hành: Tại kỳ họp tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XV, nhiệm kỳ 2026-2031.

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Giám đốc Sở Tài chính và Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách lĩnh vực ký trình chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh/ Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sở Tài chính đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

- 1. Dự thảo Nghị quyết;*
- 2. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;*
- 3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;*
- 4. Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo;*
- 5. Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGDN (Hienntt)

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc

Số: 257 /BC-STP

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

- Cơ quan ban hành văn bản: HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 26/5/2026, kèm theo Công văn số 6998/STC-QLGDN ngày 25/5/2026 của Sở Tài chính.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái nguyên (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11/01/2020); HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) ban hành Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Các nghị quyết được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn 02 tỉnh trước sáp nhập.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên*”.

Điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật Ban hành văn bản QPPL số 87/2025/QH15) quy định: “*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới*”.

Từ những lý do trên, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tỉnh Thái Nguyên sau sáp nhập, việc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là phù hợp và cần thiết.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh theo hướng:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng với người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.”

II. SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Ngày 25/11/2015 Quốc hội đã thông qua Luật phí và lệ phí, đến ngày 29/12/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 346/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 53/2020/NĐ-CP điều chỉnh các quy định phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, ngày 16/4/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 109/NQ-CP đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp

chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030: “ *Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.*”

Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.....Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.”

Từ những chủ trương, định hướng trên, việc tham mưu ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

III. TÍNH HỢP HIỆN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Thẩm quyền ban hành

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định:

“1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

*Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định** mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.”*

Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định:

*“1. Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp cần thiết, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định** tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch phù hợp với điều kiện, chi phí thực tế tại địa phương nhưng tối đa không quá 10%.”*

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là đúng thẩm quyền.

3. Căn cứ ban hành

Đảm bảo phù hợp.

4. Tính hợp hiện, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành

Cơ quan thẩm định đánh giá nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị định số 346/2025/NĐ-CP; Nghị định số 362/2025/NĐ-CP đồng thời có sự kế thừa các quy định về mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do HĐND 02 tỉnh Thái Nguyên

và Bắc Kạn ban hành trước sáp nhập đã được phát huy hiệu quả trong thực tiễn áp dụng. Dự thảo cũng đã được lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, các ý kiến tham gia đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu chỉnh sửa trên cơ sở quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn địa phương. Về cơ bản, cơ quan thẩm định cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo. Đề dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu một số nội dung sau:

4.1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết

Do là nghị quyết quy định trực tiếp, không có quy định ban hành kèm theo nên đề nghị chỉnh sửa và hoàn thiện tên dự thảo như sau: “*Nghị quyết quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”.

4.2. Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo quy định: “2. *Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.....*”.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định: “2. *Số phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với nước thải sinh hoạt được xác định*”.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung cho phù hợp.

4.3. Tại điểm a khoản 2 Điều 6

Để đảm bảo phù hợp, đề nghị điều chỉnh: “a) *Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên*” thành “a) *Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”.

4.4. Nội dung khác

Để đảm bảo phù hợp với nhiệm kỳ của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hiện nay, đề nghị điều chỉnh nội dung: “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày tháng năm 2026./.*” thành “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2026./.*”

5. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

6. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Kinh phí đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí và các nguồn thu hợp pháp khác.

Dự thảo Nghị quyết không quy định nội dung phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; không có nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Về hiệu lực thi hành

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tham mưu ngày có hiệu lực đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng ...; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành...”. Đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “2. Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành”.

8. Nơi nhận văn bản

Đề nghị điều chỉnh “Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV” thành “Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV”.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)

- Lược bỏ các từ trùng lặp tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết “2. Các Nghị quyết sau hết hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:”

- Thay cụm từ “khu vực tỉnh Bắc Kạn trước nhập tỉnh” thành “khu vực tỉnh Bắc Kạn trước sáp xếp”.

- Lược bỏ cụm từ “và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)” tại khoản 1, 2, 3 Điều 4; đồng thời nghiên cứu quy định viện dẫn văn bản tại các khoản này đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 67 Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP¹).

Phần thứ hai

KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

¹ 1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau: “Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản”.

- Về đăng ký xây dựng văn bản: chủ trương ban hành Nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 259/HĐND-VP ngày 14/5/2026 của Thường trực HĐND tỉnh.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản, đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh: đã thực hiện theo quy định.

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 46 Nghị định 78/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (tham mưu);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.

Nhoitt.xdvvb

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /BC-STC

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết, kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Việc rà soát, xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tổ chức thực hiện.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

Sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đặc biệt đối với công tác này.

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII (về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp); Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong đó một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra là: "*Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện*".

Thực hiện Thông báo số 149/TB-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật Quý I năm 2026, đối với nội dung về xử lý văn bản của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn trước thời điểm sáp nhập (01/7/2025) trong đó có yêu cầu: *Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành đẩy nhanh tiến độ xử lý, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp cho chính quyền địa phương hai cấp hoạt động ổn định*; UBND đã ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập).

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

Thực hiện các quy định của Luật phí và lệ phí và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Hội đồng nhân dân các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn (trước nhập tỉnh) đã ban hành các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định về phí tại mỗi địa phương theo quy định. Cụ thể:

- Đối với tỉnh Thái Nguyên (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11/01/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với tỉnh Bắc Kạn (trước nhập tỉnh): Các nội dung mức thu và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thay thế Nghị định số 53/2020/NĐ-CP

ngày 05/5/2020 của Chính phủ và ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Do vậy để thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp địa giới hành chính, từ những căn cứ nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau nhập tỉnh) là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGDN (Hienntt)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đình Quang Hưng

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2026

THÁI NGUYÊN, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH



QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Nội dung	<p>Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn</p> <p>Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11/01/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>Mức thu phí: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p>	<p>Kế thừa quy định tại Nghị quyết của hai tỉnh trước sáp nhập và phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ (Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp, tỉnh quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.)</p>
1. Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	<p>Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: Không quy định tại Nghị quyết, do thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ với mức thu quy định là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p>	<p>Mức thu phí: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p>	

<p>- Quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:</p> <p>1. Đối với tổ chức cung cấp nước sạch: Để lại 8% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p> <p>2. Đối với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Để lại 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p>	<p>- Quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:</p> <p>1. Đối với tổ chức cung cấp nước sạch: Để lại 5% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p> <p>2. Đối với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Để lại 15% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p>	<p>- Quy định lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau nhập tỉnh)</p> <p>1. Tổ chức cung cấp nước sạch tại khu vực phía Bắc (khu vực tỉnh Bắc Kạn trước nhập tỉnh) được để lại 8% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p> <p>2. Tổ chức cung cấp nước sạch tại khu vực phía Nam (khu vực tỉnh Thái Nguyên trước nhập tỉnh) được để lại 5% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị quyết của hai tỉnh trước sáp nhập, theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Đề án 4780/SNNMT-KHTC ngày 09/5/2026, thực tế sau khi nhập tỉnh, doanh thu của các đơn vị sản xuất kinh doanh nước sạch tại khu vực phía Bắc đã sụt giảm do phần lớn đối tượng khách hàng hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp đã chuyển trụ sở làm việc và địa điểm sinh hoạt tại khu vực phía Nam, tuy nhiên chi phí cho công tác thu tăng do tăng lương vùng, chi phí nhiên vật liệu tăng.</p> <p>- Tỷ lệ đề xuất phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP của Chính phủ (1. Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch phù hợp với điều kiện, chi phí thực tế tại địa phương nhưng tối đa không quá 10%.)</p>	

<p>2. Các trường hợp được miễn phí</p>	<p>Không quy định tại Nghị quyết, do đã được Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.</p>	<p>2. Các trường hợp miễn phí</p> <p>a) Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã.</p> <p>b) Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch.</p> <p>c) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng.</p> <p>d) Nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị (theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải) đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.”</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025.</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025.</p>
<p>3. Quản lý và sử dụng phí</p>	<p>Không quy định tại Nghị quyết, do thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.</p>	<p>- Phần còn lại, sau khi trừ số tiền phí được trích để lại theo quy định, tổ chức thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành.</p> <p>- Nội dung này được quy định cụ thể tại Quyết định số 21/2021/NĐ-CP ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh.</p>	<p>Việc quản lý và sử dụng phí được Chính phủ quy định cụ thể tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025.</p>	<p>Việc quản lý và sử dụng phí được Chính phủ quy định cụ thể tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025.</p>

Số: /STC-QLGDN
V/v báo cáo giải trình, tiếp thu ý
kiến thẩm định văn bản QPPL

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên.

Theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 257/BC-STP ngày 27/5/2026 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính báo cáo giải trình, tiếp thu cụ thể như sau:

TT	Nội dung ý kiến	Nội dung giải trình, tiếp thu
1	<p>- Về tên gọi dự thảo Nghị quyết: Đề nghị điều chỉnh theo hướng: “<i>Nghị quyết quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</i>”.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo quy định: “2. <i>Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.....</i>”.</p> <p>Tuy nhiên, để đảm bảo đầy đủ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định: “2. <i>Số phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với nước thải sinh hoạt được xác định.....</i>”.</p> <p>-Tại điểm a khoản 2 Điều 6: Để đảm bảo phù hợp, đề nghị điều chỉnh: “a) <i>Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</i>” thành “a) <i>Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</i>”.</p>	<p>Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định</p>

	<p>- Để đảm bảo phù hợp với nhiệm kỳ của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hiện nay, đề nghị điều chỉnh nội dung: “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày tháng năm 2026./</i>” thành “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày tháng năm 2026./</i>”</p> <p>- Nội nhận văn bản: Đề nghị điều chỉnh “<i>Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV</i>” thành “<i>Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV</i>”.</p>	
2	<p>- Về hiệu lực thi hành: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tham mưu ngày có hiệu lực đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “<i>1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng ...; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành...</i>”. Đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “<i>2. Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành</i>”.</p>	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định
3	<p>Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản:</p> <p>- Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) - Lược bỏ các từ trùng lặp tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết “<i>2. Các Nghị quyết sau hết hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:....</i>”</p> <p>- Thay cụm từ “<i>khu vực tỉnh Bắc Kạn trước nhập tỉnh</i>” thành “<i>khu vực tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp</i>”.</p>	Sở Tài chính tiếp thu và hoàn thiện các nội dung theo ý kiến thẩm định

<p>- Lược bỏ cụm từ “và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)” tại khoản 1, 2, 3 Điều 4; đồng thời nghiên cứu quy định viện dẫn văn bản tại các khoản này đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 67 Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>	
---	--

(Có bản dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu của Sở Tài chính đối với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp vào Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, QLGDN(Hiènnntt).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Quang Hưng